TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày 02 – 8 – 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Nay H' Chim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1948. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn H. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Văn C trình bày:

Ông C và vợ chồng ông Nguyễn H, bà Phạm Thị H có mối quan hệ quen biết. Ngày 20/12/2016, ông H và bà H có đến nhà ông C vay của số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận là 1,5%/tháng, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Ông Nguyễn H cam kết đến ngày 13/01/2017, ông H và bà H sẽ trả đầy đủ cả gốc và lãi. Ngày 04/01/2017, ông H, bà H đến nhà ông C vay thêm số tiền 40.000.000 đồng. Do không trả nợ như đã cam kết, nên đến ngày 25/01/2017, Ông Nguyễn H viết giấy cam kết có nội dung: ông H, bà H công nhận có nợ của ông C số tiền 140.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/02/2017 sẽ trả đủ cho ông C cả gốc và lãi. Khi đến hạn trả nợ, ông H và bà H vẫn không trả nợ như đã cam kết, mà ông H và bà H chỉ trả cho ông C được 50.000.000 đồng, từ đó đến nay ông C đã nhiều lần yêu cầu ông H và bà H trả nợ nhưng ông H và bà H không trả cho ông C. Do đó, ông C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà H phải trả số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 17 tháng (tính từ ngày 11/02/2017 cho đến ngày 11/7/2018), với mức lãi suất 0,75%/tháng, số tiền lãi chậm trả là 11.475.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H bà H đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, ông bà tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Nguyễn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H phải trả cho ông C số tiền gốc là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 11.475.000 đồng; Buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/3/2018, nguyên đơn ông Đỗ Văn C có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Xét hình thức, nội dung đơn khởi

kiện đảm bảo, bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 4, xã I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, do đó Tòa án Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Ông Đỗ Văn C với ông Nguyễn H cùng ký kết hợp đồng vay tiền với hình thức giấy vay tiền, giấy cam kết là có thật. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy vay tiền, giấy cam kết có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 17 tháng (tính từ ngày 11/02/2017 cho đến ngày 11/7/2018), với mức lãi suất 0,75%/tháng, số tiền lãi chậm trả là 11.475.000 đồng, tổng cộng là 101.475.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo thỏa thuận của các bên tại giấy vay tiền, giấy cam kết thể hiện ông C đã giao đủ 140.000.000 đồng cho ông H, bà H. Thời hạn trả là vào ngày 10/02/2017. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay ông H, bà H đã không trả nợ đúng cam kết, mà chỉ trả được 50.000.000 đồng tiền gốc. Do ông H và bà H đã vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H phải trả cho ông C 90.000.000 đồng tiền nợ gốc còn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Do ông H, bà H không trả nợ đầy đủ cho ông C theo cam kết, nên ông C yêu cầu ông H, bà H phải trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,75%/tháng, tương ứng với thời gian chậm trả là 17 tháng, của số tiền 90.000.000 đồng là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào các Điều 463; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H phải có nghĩa vụ

trả cho nguyên đơn là ông C 90.000.000 đồng tiền nợ gốc và 11.475.000 đồng tiền lãi chậm trả.

[5] Về án phí: bị đơn là ông Nguyễn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Văn C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đỗ Văn C.

1. Buộc bị đơn là ông Nguyễn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn C 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng tiền nợ gốc và 11.475.000 (Mười một triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền lãi chậm trả, tổng cộng là 101.475.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn là ông Nguyễn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 101.475.000 đồng x 5% = 5.073.750 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn là ông Đỗ Văn C 4.137.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0001716 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/8/2018), bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (03 bản);
-VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Tiến Sỹ